TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2021/QĐST-HNGĐ	***YK,*** *ngày 21 tháng 06 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q sinh năm 1970; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T sinh năm 1975; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/06/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Anh Q và chị T cùng trình bày, vợ chồng có 02 con là cháu Phạm Văn T1 sinh ngày 02/02/1995 và cháu Phạm Thị T2 sinh ngày 12/07/1996. Anh Q và chị T cùng trình bày cả hai cháu T1 và T2 đều đã trưởng thành tự lập được cuộc sống; nên cả anh Q và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản: Anh Q và chị T đều trình bày, vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng với nhau; nên cả anh Q và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ ai tài sản gì.

2.3. Về án phí: Anh Q và chị T thỏa thuận anh Q chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0005416

ngày 12/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK; anh Q được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực